TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ THÁI HÒA** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:18/2025/HS-ST
Ngày 07 tháng 3 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THÁI HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Hồ Xuân Quyền**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Thanh Hải**

2. Ông **Nguyễn Văn Quế**

- Thư ký phiên toà: Bà **Phạm Thị Nhung**- Thư ký Toà án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà:Bà **Nguyễn Thị Hậu** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An. Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa mở phiên tòa xét xử trực tuyến sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 05/2025/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:15/2025/QĐXXST-HS ngày 12/02/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/HSST-QĐ ngày 24/02/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn N, tên gọi khác: Không; sinh ngày 23 tháng 4 năm 1991, tại tỉnh Thái Bình; Nơi ĐKTT: Thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Chỗ ở hiện nay: Số nhà D, ngõ F P, phường P, quận T, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (Đã chết) con bà Hoàng Thị L, sinh năm:1954; Vợ, con: Chưa có.

Tiền sự: Không

Tiền án: Ngày 28/5/2020 bị Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội xử phạt 15 tháng tù về tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo bản án số:100/2020/HSST. Chấp hành xong ngày 28/4/ 2021

Nhân thân: Ngày 19 tháng 11 năm 2024, Nguyễn Văn N bị Cơ quan cảnh sát điều tra công an quận N, thành phố Hà Nội khởi tố về tội " Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo hiện đang bị tạm giữ, tạm giam trong vụ án khác. Có mặt

- Bị hại:

+ Chị Vũ Thị T1, sinh năm: 1999 (Vắng mặt)

Trú tại: Xóm H, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An

+ Chị Trần Thị H, sinh năm: 1982 (Vắng mặt)

Trú tại: Xóm H, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An

+ Chị Trương Ngọc Á, sinh năm: 2004 (Vắng mặt)

Trú tại: Xóm T, huyện Q, tỉnh Nghệ An

+ Chị Phan Thị H1, sinh năm: 1999 (vắng mặt)

Trú tại: Xóm T, xã X, huyện T, tỉnh Nghệ An.

- Người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Trần Thị H2, sinh năm: `1982 (Vắng mặt)

Trú tại: Xóm H, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An

+ Anh Đặng Thế B, sinh năm: 1987 (Vắng mặt)

Trú tại: K, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An

+ Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm: 1963 (Vắng mặt)

Trú tại: Khối T, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An

+ Anh Nguyễn Đình T3, sinh năm:1987 (Vắng mặt)

Trú tại: Xóm Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An

+ Anh Hồ Tài N1, sinh năm:1986 (Vắng mặt)

Trú tại: Khối Q, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

+ Chị Võ Thị T4, sinh năm: 1986 (Vắng mặt)

Trú tại: Khối Q, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 02 đến tháng 3 năm 2023, Nguyễn Văn N đã nảy sinh ý định lừa mượn xe mô tô của các đồng nghiệp để cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. Bằng thủ đoạn lấy lý do cần mượn xe mô tô của đồng nghiệp để đi giải quyết công việc, sau đó đưa xe mô tô đến cửa hàng cầm đồ để cầm cố lấy tiền, Nguyễn Văn N đã thực hiện 04 (bốn) hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", cụ thể:

- *Lần thứ nhất:* Ngày 28/02/2023 Nguyễn Văn N nảy sinh ý định lừa mượn xe mô tô để đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. Nguyễn Văn N tìm gặp chị Vũ Thị T1 và nói chị T1 cho N mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vision, màu xanh đen, biển kiểm soát (BKS) 37G1-860.33 (xe chị T1 mượn của chị Trần Thị H2) để đi công việc thì được chị T1 đồng ý. Ngày 01/3/2023 Nguyễn Văn N điều khiển xe mô tô mượn của chị Vũ Thị T1 đến cửa hàng cầm đồ "Thành Vân", tại khối T, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An cầm cố. Nguyễn Văn N gặp anh Nguyễn Văn T2 (chủ cửa hàng cầm đồ Thành V) và nói đây là xe mô tô của vợ, vì có việc gia đình cần tiền nên muốn cầm cố. Nguyễn Văn N đưa giấy tờ đăng ký xe mang tên Trần Thị H2 nên anh Nguyễn Văn T2 đồng ý nhận cầm cố chiếc xe mô tô trên với số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), thời hạn 20 ngày, lãi suất theo quy định của nhà nước. Số tiền này Nguyễn Văn N đã tiêu xài cá nhân hết.

- *Lần thứ hai:* Ngày 28/02/2023, Nguyễn Văn N nảy sinh ý định lừa mượn xe mô tô để đi cầm cắm lấy tiền tiêu xài cá nhân. Nguyễn Văn N tìm gặp chị Trần Thị H để mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, màu xanh, vàng, BKS: 37H1-155.89 để đi giải quyết công việc thì được chị H đồng ý. Ngày 01/3/2023 Nguyễn

Văn N điều khiển chiếc xe mô tô mượn của chị Trần Thị H đến cửa hàng cầm đồ "T", có địa chỉ tại khu vực khối T, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An cầm cố. Nguyễn Văn N đưa giấy tờ đăng ký xe mang tên Trần Thị H và nói đây là xe của người nhà, cần tiền để lo công việc nên mới cầm cố. Anh Nguyễn Đình T3 (chủ cửa hàng cầm đồ T) tin tưởng nên đồng ý nhận cầm cố chiếc xe mô tô trên với số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng), thời hạn 10 ngày, lãi suất theo quy định của nhà nước, số tiền này Nguyễn Văn N đã tiêu xài cá nhân hết.

- *Lần thứ ba:*Ngày 02/3/2023, Nguyễn Văn N nảy sinh ý định lừa mượn xe mô tô để đi cầm cắm lấy tiền tiêu xài cá nhân. Nguyễn Văn N tìm gặp chị Trương Ngọc Á để mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng, đen, bạc, BKS: 37H1-305.90 để đi giải quyết công việc thì được chị Á đồng ý (xe mô tô chị Á mượn của anh Đặng Thế B). Sau đó Nguyễn Văn N điều khiển chiếc xe mô tô mượn của chị Trương Ngọc Á đến cửa hàng cầm đồ "Nguyên Thùy" có địa chỉ tại khối Q, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An cầm cố. Nguyễn Văn N đưa giấy tờ đăng ký xe mang tên Đặng Thế B và nói đây là xe của người nhà, cần tiền để lo công việc nên mới cầm cố. Anh Hồ Tài N1 (chủ cửa hàng cầm đồ N) tin tưởng nên đồng ý nhận cầm cố chiếc xe mô tô trên với số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng), thời hạn 30 ngày, số tiền này Nguyễn Văn N đã tiêu xài cá nhân hết.

- *Lần thứ tư:* Ngày 03/3/2023, Nguyễn Văn N nảy sinh ý định lừa mượn xe mô tô để đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. Nguyễn Văn N tìm gặp chị Phan Thị H1 để mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu đỏ-đen, BKS 37H1-559.22 đi giải quyết công việc thì được chị H1 đồng ý. Cùng ngày, Nguyễn Văn N điều khiển xe mô tô mượn của chị H1 đến cửa hàng cầm đồ "Nguyên Thùy" có địa chỉ tại khối Q, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An cầm cố. Nguyễn Văn N đưa giấy tờ đăng ký xe mang tên Phan Thị H1 và nói đây là xe của người nhà, cần tiền để lo công việc nên mới cầm cố. Chị Võ Thị T4 (chủ cửa hàng cầm đồ N) tin tưởng nên đồng ý nhận cầm cố chiếc xe mô tô trên với số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng), thời hạn 30 ngày, số tiền này Nguyễn Văn N đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá số 11/KLĐG ngày 16/3/2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự (UBND thị xã T, tỉnh Nghệ An) kết luận, tại thời điểm tháng 3/2023 giá trị của các tài sản bị chiếm đoạt cụ thể như sau:

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu xanh đen, BKS 37G1 – 860.33, đăng ký ngày 17/11/2021, có giá trị là 22.000.000đ (hai mươi hai triệu đồng).

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu trắng đen bạc, BKS 37H1 – 305.90, đăng ký ngày 06/03/2018, có giá trị là 10.000.000đ (mười triệu đồng).

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu đỏ đen, BKS 37E1 – 559.22, đăng ký ngày 05/6/2018, có giá trị là 18.000.000đ (mười tám triệu đồng).

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, màu xanh vàng, BKS 37H1 – 155.89, đăng ký ngày 19/6/2014, có giá trị là 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng).

Tổng giá trị 04 chiếc xe mô tô Nguyễn Văn N chiếm đoạt là 66.000.000đ (sáu mươi sáu triệu đồng).

Vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu theo đúng quy định.

Trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Vũ Thị T1, chị Trương Thị Ngọc Á, chị Phan Thị H1, chị Trần Thị H và người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan anh Đặng Thế B, chị Trần Thị H2 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Những người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T2, anh Nguyễn Đình T3, anh Hồ Tài N1, chị Võ Thị T4 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt

Tại bản Cáo trạng số 09/CT-VKS ngày 15 tháng 01 năm 2025, của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hòa đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự

Tại phiên toà, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm h, g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 30 đến 36 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

Hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của BLHS buộc bị cáo Nguyễn Văn N hoàn trả lại cho anh Nguyễn Văn T2 số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng); hoàn trả lại cho anh Nguyễn Đình T3 số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng); hoàn trả lại cho anh Hồ Tài N1 số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng); hoàn trả lại cho chị Võ Thị T4 số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng)

Về vật chứng vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu theo đúng quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhất trí về tội danh, mức hình phạt, không tranh luận chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra cũng như vật chứng, tài liệu có tại hồ sơ vụ án, đã được đưa ra xem xét đánh giá tại phiên tòa. Từ đó có đủ cơ sở để kết luận trong khoảng thời gian từ ngày 28 tháng 02 đến ngày

03 tháng 3 năm 2023, Nguyễn Văn N đã nảy sinh ý định lừa mượn xe mô tô của đồng nghiệp để cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. Vì vậy bị cáo đã đưa ra thông tin giả là muốn mượn xe mô tô để đi giải quyết công việc nhằm tạo niềm tin cho bị hại. Tuy nhiên sau khi lừa mượn được xe thì bị cáo đưa xe mô tô đến cửa hàng cầm đồ để cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. Bằng thủ đoạn gian dối, Nguyễn Văn N đã thực hiện 04 (bốn) hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 04 cá nhân với tổng số tiền là 66.000.000đ (Sáu mươi sáu triệu đồng). Nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" với tính tiết định khung chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000đ đến 200.000.000đ theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Do đó cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, vì mục đích vụ lợi nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác, bị cáo đã đưa ra thông tin gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của chị Vũ Thị T1, chị Trần Thị H, chị Trương Ngọc Á, chị Phạm Thị Hoài . Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội, gây bất bình cho người dân. Bị cáo đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động nhưng muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy đối với bị cáo cần phải có mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo Nguyễn Văn N 04 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, trị giá mỗi lần lừa đảo trên 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội hai lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS. Bị cáo Nguyễn Văn N thực hiện hành vi phạm tội mới khi chưa được xoá án tích, thuộc trường hợp tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra ngày 19/11/2024 bị cáo còn bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận N, thành phố Hà Nội khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội "Trộm cắp tài sản". Tuy nhiên cũng cần xem xét cho bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm về hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra kết hợp với xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy rằng cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của bị cáo tại phiên tòa thể hiện bị cáo lao động tự do, thu nhập thấp nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Vũ Thị T1, chị Trần Thị H, chị Trương Ngọc Á, chị Phan Thị H1 và người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan anh Đặng Thế B, chị Trần Thị H2 đều không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét. Người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan khác đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng qua đơn đề nghị xét xử vắng mặt cũng như trong quá trình điều tra anh Nguyễn Văn T2 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng); anh Nguyễn Đình T3 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng); anh Hồ Tài N1 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng); chị Võ Thị T4 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) đây là số tiền mà anh T2, anh T3, anh N1, chị T4 đã cho bị cáo vay bằng hình thức cầm cố xe mô tô tuy nhiên những người này không biết xe do bị cáo phạm tội. Xét yêu cầu của anh T2, anh T3, anh N1, chị T4 là phù hợp với quy định của pháp luật. Mặt khác tại phiên tòa bị cáo chấp nhận theo yêu cầu của anh T2, anh T3, anh N1, chị T4. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 48 - Bộ luật Hình sự; Điều 579 và Điều 580 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải trả lại cho anh Nguyễn Văn T2 số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng); trả lại cho anh Nguyễn Đình T3 số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng); trả lại cho anh Hồ Tài N1 số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng); trả lại cho chị Võ Thị T4 số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

[8] Vật chứng vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu nên hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Đối với anh Nguyễn Văn T2; anh Nguyễn Đình T3; anh Hồ Tài N1; chị Võ Thị T4 đã có hành vi nhận cầm cố xe mô tô của Nguyễn Văn N; tuy nhiên người nhận cầm cố không hứa hẹn trước, không biết 04 chiếc xe mô tô trên do Nguyễn Văn N lừa đảo mà có, nên hành vi của người nhận cầm cố không phạm tội. Tuy nhiên, khi nhận cầm cố anh Nguyễn Văn T2, anh Nguyễn Đình T3, anh Hồ Tài N1, chị Võ Thị T4 biết rõ 04 xe mô tô không thuộc quyền sở hữu của Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn N không có giấy uỷ quyền của chủ sở hữu nhưng vẫn đồng ý nhận cầm cố, hành vi trên đã vi phạm điểm l, khoản 3 Điều 12 Nghị định 144/2021/NĐ - CP ngày 31/12/2021 nên quan CSĐT Công an thị xã T, tỉnh Nghệ An đã chuyển hồ sơ đến Cơ quan có thẩm quyền để ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10]Án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.450.000đ (hai triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 2, Điều 174; điểm h, g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 30 (Ba mươi) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2. Trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 - Bộ luật Hình sự; Điều 579 và Điều 580 của Bộ luật Dân sự

Buộc bị cáo Nguyễn Văn N có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Nguyễn Văn T2 số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng); hoàn trả cho anh Nguyễn Đình T3 số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng); hoàn trả cho anh Hồ Tài N1 số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng); hoàn trả cho chị Võ Thị T4 số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 - BLTTHS; các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí HSST và 2.450.000đ (hai triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Bị cáo; bị hại
- Người có QLNVLQ;
- VKSND thị xã Thái Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Thái Hòa;
- Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Công an tỉnh Nghệ An;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Xuân Quyền